

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2025/DS-ST**.

Ngày: **22-8-2025**

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
Hợp đồng thế chấp tài sản”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Hoàng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số 55/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (VBank)**, Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội nay là số 89 L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Nguyễn Như G - Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp miền Bắc 3 - Trung T4 THNKHDN và Xử lý nợ Pháp lý (Theo Văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như G: Ông Lê Trung A, ông Nguyễn Ngọc T - chuyên viên Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 21006/2025/UQN-VBANK ngày 04/6/2025). Địa chỉ làm việc tại Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội nay là Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, thành phố Hà Nội.

Và **Công ty cổ phần M**, Địa chỉ trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội nay là Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, thành phố Hà Nội (Là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T2 - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Anh T2: Ông Phan Huy M - Giám đốc Trung T4 Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 10/2024/UQN-TGD ngày 05/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Huy M: Ông Nguyễn Phúc T3 - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Kim H - chuyên viên xử lý nợ. (Theo Văn bản ủy quyền số 36105/2025/UQ-XLN JUPITER ngày 07/5/2025). Địa chỉ làm việc tại Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội nay là Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T1, phường Y, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Kim H có mặt; ông Lê Trung A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Chu Thái S**, sinh năm 1979. Nơi thường trú và trú tại số 2 ngõ 2 khu 5, phường N, thành phố H1, tỉnh Hải Dương nay là số 2 ngõ 2 tổ dân phố số 5, phường H1, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Và bà **Nguyễn Minh T4**, sinh năm 1978. Nơi thường trú tại số 2 X, phường C1, quận K thành phố Hà Nội nay là số 2 X, phường C1, thành phố Hà Nội. Trú tại số 2 ngõ 2 khu 5, phường N, thành phố H1, tỉnh Hải Dương nay là số 2 ngõ 2 tổ dân phố số 5, phường H1, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt: VBank) trình bày:

Ngày 27/11/2023, VBank (bên cho vay) và ông Chu Thái S (bên vay) ký kết Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 có nội dung như sau:

Số tiền cho vay: 760.000.000 (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L, AT, 4x4 sản xuất mới 100%; Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau đó, VBank và ông Chu Thái S có ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 với nội dung bổ sung thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay trong trường hợp bên vay không hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm hoặc không hoàn thành nghĩa vụ mua bảo hiểm tái tục tại Công ty bảo hiểm được ngân hàng chấp thuận đối với

tài sản bảo đảm theo quy định của ngân hàng. VBank đã thực hiện giải ngân cho ông Chu Thái S số tiền vay nêu trên.

Cùng ngày, ông Chu Thái S có đề nghị mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử kèm Phụ lục 1 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là tối đa 5% giá trị khoản vay có tài sản bảo đảm được VBank phê duyệt theo đề nghị tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm tương đương 38.000.000đ, mục đích: phục vụ nhu cầu đời sống. Ngày 28/11/2023, ông S kích hoạt và bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng 237-P-3629563.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, số máy YN2RPX522441, số khung MPBAMFE60PX522441, màu S trắng, biển số đăng ký 34C-385.57, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034984 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/11/2023. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho VBank theo Hợp đồng thế chấp số LN2311210950988, số công chứng: 2778; Quyền số: 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Văn Vĩnh chứng nhận ngày 24/11/2023. Việc thế chấp được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung T4 đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng vào ngày 25/11/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Chu Thái S và vợ là bà Nguyễn Minh T4 đã trả cho VBank được số tiền trong Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 gốc là 79.170.000đ và lãi là 26.441.442đ. Đến ngày 15/5/2024, toàn bộ khoản vay, khoản thẻ của ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 quá hạn. Mặc dù, VBank nhiều lần đôn đốc ông S, bà T4 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng họ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VBank. Do vậy, VBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết kể từ ngày 15/5/2024 đồng thời khởi kiện tại Tòa án giải quyết buộc ông S, bà T4 phải thanh toán nợ gốc và lãi cho VBank.

Đến ngày 28/3/2025, VBank bán các khoản nợ của khách hàng vay là ông Chu Thái S cho Công ty cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số 10/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm, cụ thể: một phần 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023; toàn bộ 100% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-3629563 ngày 27/11/2023.

Đến nay, VBank yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải thanh toán cho VBank và Công ty cổ phần M số tiền nợ

gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 đồng thời phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ; quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho VBank và Công ty cổ phần M theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ thì ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho VBank và Công ty cổ phần M.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M trình bày: Công ty cổ phần M thống nhất với VBank về thời gian, quá trình giao kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa VBank và ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4; Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số 10/2025/VPB-JUPITER, Phụ lục đính kèm giữa VBank và Công ty cổ phần M và yêu cầu khởi kiện như người đại diện của VBank trình bày. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M trình bày do VBank đã chuyển nhượng 100% khoản nợ thẻ tín dụng của ông Chu Thái S cho Công ty cổ phần M nên xác định công ty có toàn quyền quyết định đối với khoản nợ này và tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ của ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 phát sinh theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-3629563 ngày 27/11/2023 và giữ nguyên các yêu cầu khác, cụ thể:

Buộc ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải thanh toán cho VBank và Công ty cổ phần M số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 tạm tính đến ngày 22/8/2025 tương ứng là:

Thanh toán cho VBank tổng là 41.723.314 đồng, trong đó: Nợ gốc là 34.041.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 178.028 đồng, Nợ lãi quá hạn là 7.469.923 đồng, Phạt chậm trả là 33.863 đồng.

Thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng là 863.044.098 đồng, trong đó: Nợ gốc là 646.788.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 3.382.520 đồng, Nợ lãi quá hạn là 141.928.539 đồng, Phạt chậm trả là 643.388 đồng.

Ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông S và bà T4 thực tế thanh toán hết nợ cho VBank và Công ty cổ phần M. Lãi phát sinh phải trả cho VBank và Công ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VBank và Công ty cổ phần M thì VBank và/hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VBank và/hoặc Công ty cổ phần M, cụ thể như sau: xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, số máy YN2RPX522441, số khung MPBAMFE60PX522441, màu S trắng, biển số đăng ký 34C-385.57, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034984 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/11/2023 cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Chu Thái S. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,...được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho VBank và Công ty cổ phần M theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho VBank và Công ty cổ phần M.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Ông Chu Thái S trình bày thống nhất với người đại diện của VBank về thời gian, quá trình giao kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa VBank và ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4. Ông S xác định đã thanh toán cho VBank được 5-6 kỳ mỗi kỳ hơn 20.000.000đ, chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng tín dụng (Phụ lục hợp đồng), Hợp đồng thế chấp là của vợ chồng ông. Đến tháng 5/2024, ông S không trả thêm cho VBank khoản nào khác. Nay, VBank khởi kiện vợ chồng ông là đúng. Ông S được Tòa án thông báo VBank đã bán khoản nợ của ông cho Công ty cổ phần M một phần 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023; toàn bộ 100% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng thế tín dụng số 237-P-3629563 ngày 27/11/2023 thì ông không có ý kiến gì chỉ biết còn nợ VBank tiền và xử lý tài sản thế chấp với VBank. Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông đề nghị VBank tạo điều kiện về thời gian cho ông thu xếp trả nợ.

Bà Nguyễn Minh T4 từ chối không nhận tài liệu, xác định không liên quan nên không trình bày gì với Tòa án.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tại buổi làm việc bị đơn vắng mặt, Tòa án không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, số máy YN2RPX522441, số khung MPBAMFE60PX522441, màu S trắng, biển số đăng ký 34C-385.57, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034984 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/11/2023 đứng tên ông Chu Thái S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 116, 117, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 401 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 217, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

Buộc ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 có nghĩa vụ thanh toán cho: Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tạm tính đến ngày 22/8/2025, tổng số tiền là 41.723.314 đồng, trong đó: Nợ gốc là 34.041.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 178.028 đồng, Nợ lãi quá hạn là 7.469.923 đồng, Phạt chậm trả là 33.863 đồng và Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tạm tính đến ngày 22/8/2025, tổng số tiền là 863.044.097 đồng, trong đó: Nợ gốc là 646.788.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 3.382.520 đồng, Nợ lãi quá hạn là 141.928.539 đồng, Phạt chậm trả là 643.388 đồng.

Ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục của khoản vay cho đến ngày ông S và bà T4 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V và/hoặc

Công ty cổ phần M. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty cổ phần M thì ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M về việc buộc ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng thế tín dụng số 237-P-3629563 ngày 27/11/2023.

Về án phí: Buộc ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 thanh toán khoản tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và xử lý tài sản thế chấp. Thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn đều cư trú tại phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tiếp nhận nhiệm vụ của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tiếp tục giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn là người đại diện của VBank vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của VBank và Công ty cổ phần M:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản: Lời khai của nguyên đơn, ông Chu Thái S phù hợp với các tài liệu được thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định khi giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện.

Nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với pháp luật, mục đích giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 401 Bộ luật Dân sự.

Do đó Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988, Hợp đồng thế chấp số LN2311210950988, số công chứng: 2778; Quyền số: 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Văn Vĩnh chứng nhận ngày 24/11/2023 đều phát sinh hiệu lực đối với tất cả các bên tham gia vào hợp đồng.

Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ:

Xét thấy, Hợp đồng cho vay nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi giao kết hợp đồng, VBank đã giải ngân cho ông Chu Thái S số tiền 760.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 01230870 vào ngày 27/11/2023.

Xét khoản vay của ông Chu Thái S theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 với VBank thấy rằng đây là khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, biển số đăng ký 34C-385.57 được hình thành từ nguồn tiền giải ngân của khoản vay, ông S, bà T4 xác định là tài sản chung của vợ chồng dùng để thế chấp cho khoản vay thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số LN2311210950988 ngày 24/11/2023, Biên bản định giá tài sản ngày 24/11/2023. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định đây là khoản nợ chung của ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 đối với VBank.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Chu Thái S và vợ là bà Nguyễn Minh T4 đã trả cho VBank được số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 gốc là 79.170.000đ và lãi là 26.441.442đ. Đến ngày 15/5/2024, toàn bộ khoản vay của ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 quá hạn.

Xét nội dung của Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và ngày 28/3/2025, Phụ lục 01 đính kèm hợp đồng là hợp pháp nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông S, bà T4 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tương ứng với tỷ lệ sở hữu của VBank, Công ty cổ phần M.

Tạm tính đến ngày 22/8/2025: Ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 còn nợ Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và

Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tổng số tiền là 41.723.314 đồng, trong đó: Nợ gốc là 34.041.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 178.028 đồng, Nợ lãi quá hạn là 7.469.923 đồng, Phạt chậm trả là 33.863 đồng và Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tổng số tiền là 863.044.097 đồng, trong đó: Nợ gốc là 646.788.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 3.382.520 đồng, Nợ lãi quá hạn là 141.928.539 đồng, Phạt chậm trả là 643.388 đồng.

Do ông S, bà T4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi như đã cam kết nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VBank và Công ty cổ phần M.

Ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng của khoản vay cho đến ngày ông S, bà T4 thực tế thanh toán hết nợ cho VBank và Công ty cổ phần M. Lãi phát sinh phải trả cho VBank và Công ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2025 thể hiện tài sản bảo đảm cho các khoản vay của ông S, bà T4 là chiếc xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor không có tại gia đình ông S và bà T4 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo về thời gian, địa điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Do ông S và bà T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số LN2311210950988 ngày 24/11/2023, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và ngày 28/3/2025, Phụ lục 01 đính kèm thì VBank và/hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VBank và/hoặc Công ty cổ phần M, cụ thể như sau: xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, số máy YN2RPX522441, số khung MPBAMFE60PX522441, màu S trắng, biển số đăng ký 34C-385.57, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034984 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/11/2023 cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Chu Thái S. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,...được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho VBank và Công ty cổ phần M theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, VBank và/hoặc Công ty cổ phần M thì ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho VBank và Công ty cổ phần M.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ của ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 phát sinh theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-3629563 ngày

27/11/2023, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với yêu cầu này.

[4] Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần M đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại VBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 401 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 217, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

Buộc ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 có nghĩa vụ thanh toán cho:

Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tạm tính đến ngày 22/8/2025, tổng số tiền là **41.723.314** đồng, trong đó: Nợ gốc là 34.041.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 178.028 đồng, Nợ lãi quá hạn là 7.469.923 đồng, Phạt chậm trả là 33.863 đồng.

Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2311210950988 ngày 27/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ tạm tính đến ngày 22/8/2025, tổng số tiền là **863.044.097** đồng, trong đó: Nợ gốc là 646.788.500 đồng, Nợ lãi trong hạn là 3.382.520 đồng, Nợ lãi quá hạn là 141.928.539 đồng, Phạt chậm trả là 643.388 đồng.

Ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Phụ lục của khoản vay cho đến ngày ông S và bà T4 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty cổ phần M, cụ thể như sau: xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, số máy YN2RPX522441, số khung MPBAMFE60PX522441, màu S trắng, biển số đăng ký 34C-385.57, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034984 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/11/2023 cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Chu Thái S. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,...được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M về việc buộc ông Chu Thái S và bà Nguyễn Minh T4 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng thế tín dụng số 237-P-3629563 ngày 27/11/2023.

4. Về án phí: Buộc ông Chu Thái S, bà Nguyễn Minh T4 phải chịu 39.143.022đ (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Đào Đức Quang Tuấn nộp thay) là 17.665.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001239 ngày 20/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (Công ty cổ phần M) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn (Ngân hàng TMCP V), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Linh

